TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HS-ST
Ngày 29-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hà Thế Nam

Các Hội thẩm nhân dân: bà Lại Thị Thúy Hằng

bà Phạm Thị Ngọc Thi

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Hoài Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Báu – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Hội trường A Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2019/TLST-HS ngày 01/11/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXXST-HS ngày 12/11/2019 đối với các bị cáo:

1. Trần Hoàng P, sinh năm: 1977, tại Hưng Yên; nơi đăng ký thường trú: xóm 2, xã N, huyện A, tỉnh Hưng Yên; chỗ ở trước khi phạm tội: ấp 3, xã T, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn T, sinh năm: 1952 và bà Vũ Thị L, sinh năm: 1954; gia đình có 03 anh, em, bị cáo lớn nhất; có vợ tên Lê Thị D, sinh năm: 1980; có 02 con chung, sinh năm 1998 và 2006. Tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ và tạm giam từ ngày 30/8/2019 cho đến nay. *(Có mặt)*

2. Đỗ Kiến N, sinh năm: 1988, tại Hà Nội; nơi đăng ký thường trú: thôn 1, xã T1, huyện M, thành phố Hà Nội; chỗ ở trước khi phạm tội: tổ 7, ấp 1, xã C, huyện LT, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Kiến N1, sinh năm: 1962 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1962; gia đình có 03 chị, em, bị cáo thứ hai; có vợ tên Nguyễn Thị N, sinh năm: 1990; có 02 con chung, sinh năm 2012 và 2014. Tiền án, tiền sự: không; ngày 30/8/2019 ra đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam cho đến nay. *(Có mặt)*

Bị hại: Công ty C

Địa chỉ: khu phố T, phường X, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai;

Đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Minh T – CV: Tổng giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: ông Tạ Anh D, sinh năm: 1985, địa chỉ: ấp T, xã H, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai (VBUQ ngày 07/9/2019) *(Có mặt)*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bùi Văn C, sinh ngày 16/9/2004, nơi đăng ký thường trú: thôn TM, xã TL, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: ấp 3, xã T, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; *(Có mặt)*

Do bà Bùi Thị R, sinh năm: 1973, nơi đăng ký thường trú: thôn TM, xã TL, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: ấp 3, xã T, huyện CM, tỉnh Đồng Nai (là mẹ ruột của C) làm đại diện hợp pháp. *(Có mặt)*

2. Lưu Tuấn A, sinh năm: 1991, địa chỉ: thôn 2, xã T1, huyện M, thành phố Hà Nội; *(Vắng mặt)*

Người làm chứng:

Nguyễn Viết T, sinh năm: 1970, địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 7/2019, các bị cáo Trần Hoàng P và Đỗ Kiến N thuê nhà sinh sống chung với nhau tại ấp 3, xã T, huyện CM, tỉnh Đồng Nai. Phía trước căn nhà P và N sinh sống là lô cao su F23 của Nông trường cao su CĐ, thuộc Công ty C. Do muốn có đất để trồng rau ăn nên bị cáo P đã rủ bị cáo N cùng cưa, chặt cây cao su tại khu vực lô cao su F23 thì N đồng ý. Thực hiện ý định trên, ban đầu bị cáo P mua 01 con dao dài 45cm tại 01 lò rèn, nhưng sau ngày đầu chặt cây, các bị cáo sợ bị người khác phát hiện nên bị cáo P đã mua 01 cái cưa dài 50cm để cưa cây cho không có tiếng động lớn. Từ ngày 24/8/2019 đến ngày 28/8/2019, cứ vào khoảng 18 giờ Phương cùng N dùng cưa hạ từ 01 đến 03 cây cao su. Tổng cộng các bị cáo đã cưa trong 05 ngày được 12 cây cao su tại khu vực lô cao su F23 của nông trường cao su CĐ, mỗi cây có đường kính phần thân lớn nhất từ 20cm - 35cm, cây cao từ 08 mét đến 10 mét. Các cây cao su sau khi cưa hạ xuống được các bị cáo tiếp tục cưa thành nhiều đoạn dài khoảng 01 mét đến 03 mét; sau đó đem giấu dưới ao nước phía sau nhà, nơi P và N đang sinh sống, nhằm mục đích phi tang không cho ai phát hiện.

Đến khoảng 12 giờ ngày 30/8/2019, trong quá trình tuần tra Công an xã T đã phát hiện số lượng 12 cây cao su bị cưa bỏ dưới ao nước sau nhà các bị cáo đang sinh sống nên trình báo Công an huyện Cẩm Mỹ. Đến 14 giờ cùng ngày, Đỗ Kiến N đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Mỹ đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 42/KL-HĐĐG ngày 03/9/2019, của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Cẩm Mỹ, kết luận: 12 (Mười hai) cây cao su, trong đó: có 01 cây đường kính thân cây phần lớn nhất là: 20cm;

04 cây có đường kính thân phần lớn nhất là: 25cm; 06 cây có đường kính thân phần lớn nhất là: 30cm; 01 cây có đường kính thân phần lớn nhất là: 35cm. Cây cao khoảng 08 mét đến 10 mét, trồng năm 2005, đang trong giai đoạn sản xuất có trị giá là: 12 cây x 360.000 đồng = 4.320.000 (Bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn) đồng.

Vật chứng của vụ án:

- 53 đoạn gỗ cao su, gồm: 12 đoạn gỗ cao su (phần gốc), đường kính từ 20cm - 35cm, dài từ 1,2m - 1,7m. 23 đoạn gỗ cao su (phần thân) đường kính từ 15cm - 25cm, dài từ 1,5m - 2,5m. 18 đoạn gỗ cao su (phần cành) đường kính từ 5cm - 15cm, dài từ 1,5m - 2,0m. Tất cả đã trả lại cho Tổng công ty cao su.

- Số tiền 4.320.000 đồng (Bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) do anh Lưu Tuấn A (là em rể của bị cáo Đỗ Kiến N) giao nộp để khắc phục hậu quả; đã trả cho Tổng công ty cao su.

- 01 cái cưa dài 50cm, cán nhựa màu đen dài 10cm, lưỡi cưa bằng kim loại dài 40cm, vỏ cưa bằng nhựa màu đen dài 40cm; 01 dao bằng kim loại dài 45cm, lưỡi dao dài 35cm.

Bản cáo trạng số: 48/CT-VKSCM ngày 31/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo Trần Hoàng P và Đỗ Kiến N về tội "Hủy hoại tài sản" theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX): tuyên bố các bị cáo Trần Hoàng P và Đỗ Kiến N phạm tội "Hủy hoại tài sản"; đề nghị: đối với bị cáo P: áp dụng khoản 1 Điều 178, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 38 của BLHS để xử phạt với mức án từ 08 tháng đến 10 tháng tù; đối với bị cáo N: áp dụng khoản 1 Điều 178, điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58, Điều 38 của BLHS để xử phạt với mức án từ 04 tháng đến 06 tháng tù. Về vật chứng: đề nghị tịch thu tiêu hủy vật chứng gồm cưa và dao là công cụ phạm tội. Về trách nhiệm dân sự: đề nghị ghi nhận sự tự nguyện đồng ý bồi thường của các bị cáo đối với yêu cầu của Tổng công ty C là 17.088.000 đồng.

Đại diện bị hại là ông Tạ Anh D trình bày: Nông trường cao su CĐ là đơn vị trực thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tổng công C, được giao quản lý, khai thác và sản xuất lô cao su F23 thuộc địa bàn xã T, huyện CM. Vào cuối tháng 8/2019 lực lượng bảo vệ Nông trường phát hiện có 12 cây cao su trồng tại lô F23 bị chặt sát đất, gốc cây được phủ đất lên trên để che giấu, nên đã báo cho Công an xã T và phối hợp truy tìm thì phát hiện toàn bộ cây, cành, là cao su đã được giấu trong ao nước phía sau nhà các bị cáo P và N. Tổng giá trị thiệt hại do bộ phận kế hoạch Tổng công ty C xác định là 21.408.000 đồng, thiệt hại này được tính toán dựa trên giống cây, thời gian và mức sản lượng mủ thu được trong thời gian còn lại. Trong quá trình điều tra gia đình bị cáo N đã nộp số tiền 4.320.000 đồng và

Tổng công ty C đã nhận số tiền này, nên yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiếp 17.088.000 đồng.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Bùi Văn C trình bày: tôi có nhận bị cáo Trần Hoàng P là cha nuôi từ khi tôi mới 09 tuổi, chỉ nhận trên danh nghĩa chứ không đăng ký với cơ quan chức năng; tôi và cha nuôi chung sống tại căn nhà giáp lô cao su từ tháng 7/2019, sau đó khoảng 01 tháng thì bị cáo Đỗ Kiến N đến ở chung. Vào khoảng cuối tháng 8/2019, buổi tối tôi đi làm về thì thấy các bị cáo P và N đang kéo các cành cây cao su ở lô cao su trước nhà; bị cáo N có nói tôi ra giúp thu gom một số cành cây đã chặt vứt xuống ao nước sau nhà nên tôi có phụ giúp; lúc đó tôi không biết là các bị cáo vi phạm pháp luật và cũng không hỏi lý do cưa cây để làm gì.

Đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Bùi Văn C là bà Bùi Thị R trình bày: tôi quen biết bị cáo P khi bị cáo làm việc tại Hà Nội; do thấy hoàn cảnh tôi khó khăn, phải nuôi con nhỏ nên bị cáo có nhận cháu C làm con nuôi và thỉnh thoảng giúp đỡ kinh phí cho cháu học hành; sau này tôi chuyển vào tạm trú tại xã T, tình cờ gặp lại bị cáo P và cháu C xin được đến ở cùng với cha nuôi. Những gì cháu C khai tại phiên tòa là đúng sự thật và đúng với nội dung mà cháu đã khai tại cơ quan công an.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nên HĐXX thực hiện công bố lời khai của họ tại các bút lục: 79 và 89, 90.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, HĐXX nhận thấy: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tiến hành các thủ tục tố tụng và thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS); đảm bảo được quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ý kiến thắc mắc hoặc khiếu nại về hành vi của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy: những người vắng mặt đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng trong hồ sơ, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử nên tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại các điều 292, 293 của BLTTHS.

[3] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa các bị cáo P và N đã khai nhận: do muốn có đất trồng rau nên bị cáo P đã rủ bị cáo N cưa, chặt một số cây cao su trước nhà; các bị cáo đã chặt được tổng cộng 12 cây cao su sau đó đem tất cả cây, cành,

lá vứt xuống ao nước sau nhà nhằm che giấu vết tích. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa cơ bản phù hợp với các lời khai, bản cung của bị cáo đã được thu thập trong hồ sơ, phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng, cùng các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án. Theo Bản kết luận định giá tài sản số 42/KL-HĐĐG ngày 03/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cẩm Mỹ xác định: *12 cây cao su, trong đó, có 01 cây đường kính thân cây phần lớn nhất là: 20cm; 04 cây có đường kính thân phần lớn nhất là: 25cm; 06 cây có đường kính thân phần lớn nhất là: 30cm; 01 cây có đường kính thân phần lớn nhất là: 35cm. Cây cao khoảng 08 mét đến 10 mét, trồng năm 2005, đang trong giai đoạn sản xuất có trị giá là: 12 cây x 360.000 đồng = 4.320.000 đồng (Bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng)*. Như vậy, với hành vi cưa, chặt 12 cây cao su trị giá 4.320.000 đồng, không nhằm mục đích lấy cây, mà nhằm có đất trồng rau của các bị cáo P và N đã đủ yếu tố cấu thành tội "Hủy hoại tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của BLHS; do đó, việc cơ quan cảnh sát điều tra thay đổi tội danh khởi tố từ "Trộm cắp tài sản" sang tội "Hủy hoại tài sản" và Cáo trạng số: 48/CT-VKSCM ngày 31/10/2019 của VKSND huyện Cẩm Mỹ đã truy tố các bị cáo P và N là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Đây là vụ án đồng phạm "Hủy hoại tài sản" có tính chất giản đơn, trong đó bị cáo P có vai trò chính, bị cáo là người khởi xướng, rủ rê bị cáo N cùng thực hiện tội phạm và cũng chính bị cáo là người trực tiếp chuẩn bị công cụ (dao, cưa) để cùng với bị cáo N thực hiện hành vi phạm tội; do đó hình phạt áp dụng đối với bị cáo P phải cao hơn bị cáo N. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của doanh nghiệp Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương; vì thế, cần áp dụng loại hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm giáo dục các bị cáo thành người tốt và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của BLHS; về tình tiết giảm nhẹ các bị cáo P và N có chung 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51, đó là: tài sản bị xâm phạm trị giá 4.320.000 đồng nên được xem xét là phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn (điểm h); phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (điểm i); thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (điểm s); riêng bị cáo N sau khi phạm tội đã đầu thú; ông nội ruột của bị cáo là liệt sỹ; bị cáo cũng đã tự nguyện vận động gia đình bồi thường thay cho bị cáo số tiền tương ứng với thiệt hại đã gây ra; do đó HĐXX áp dụng thêm điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS để giảm nhẹ cho bị cáo N.

[6] Từ những phân tích về tính chất, mức độ nguy hiểm, hành vi phạm tội cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, xét thấy: bị cáo N có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, vai trò thứ yếu trong vụ án nên HĐXX

áp dụng Điều 54 của BLHS để quyết định mức hình phạt dưới khung đối với bị cáo N là phù hợp.

[7] Đối với hành vi của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhận thấy: hành vi giúp đỡ các bị cáo dọn dẹp cành cây cao su của C là hành động tự nhiên, do được bị cáo N nhờ và bản thân C không nhận thức được việc làm của các bị cáo là phạm tội; do đó, các cơ quan chức năng không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với số gỗ cao su thu giữ được và số tiền 4.320.000 đồng mà anh Lưu Tuấn A giao nộp đã được cơ quan điều tra xử lý đúng quy định nên không xem xét lại. Riêng 01 cái cưa dài 50cm, cán nhựa màu đen dài 10cm, lưỡi cưa bằng kim loại dài 40cm, vỏ cưa bằng nhựa màu đen dài 40cm; 01 dao bằng kim loại dài 45cm, lưỡi dao dài 35cm là công cụ mà các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, đại diện bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm số tiền 17.088.000 đồng thiệt hại; mặc dù HĐXX đã giải thích quy định pháp luật cho các bị cáo và đại diện bị hại, nhưng đại diện bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu và các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại; ngoài ra, bị cáo N tự nguyện chịu bồi thường số tiền 4.320.000 đồng mà bị cáo đã nhờ gia đình nộp, còn đối với số tiền 17.088.000 đồng mà bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường thì mỗi bị cáo phải chịu 50%. Xét thấy việc các bị cáo chấp nhận mỗi bị cáo bồi thường 8.544.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện nên ghi nhận và buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường theo quy định.

[10] Về án phí: mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và 427.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm (làm tròn 427.000 đồng).

[11] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cơ bản phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: các bị cáo Trần Hoàng P và Đỗ Kiến N phạm tội "Hủy hoại tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 38 của BLHS

Xử phạt: bị cáo Trần Hoàng P 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam: 30/8/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58, Điều 38 của BLHS

Xử phạt: bị cáo Đỗ Kiến N 05 (Năm) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam: 30/8/2019.

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 106 của BLTTHS; Điều 48 của BLHS

Tịch thu tiêu hủy 01 cái cưa dài 50cm, cán nhựa màu đen dài 10cm, lưỡi cưa bằng kim loại dài 40cm, vỏ cưa bằng nhựa màu đen dài 40cm; 01 dao bằng kim loại

dài 45cm, lưỡi dao dài 35cm. *(Vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01/11/2019).*

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 của BLHS; các điều 584, 585, 586, 587 và 589 của Bộ luật dân sự năm 2015

Buộc các bị cáo Trần Hoàng P và Đỗ Kiến N phải liên đới bồi thường thiệt hại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tổng công ty C số tiền 17.088.000 (Mười bảy triệu không trăm tám mươi tám nghìn) đồng; chia phần mỗi bị cáo phải bồi thường 8.544.000 đồng.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của BLTTHS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án

Buộc các bị cáo P và N, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 427.000 (Bốn trăm hai mươi bảy nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và đại diện hợp pháp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; riêng người người có quyền lợi liên quan đến vụ án vắng mặt thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính kể từ ngày nhận tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật tố tụng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký tên và đóng dấu)

Hà Thế Nam

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Sở tư pháp Đồng Nai;
- Cơ quan THAHS Công an huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS;
- UBND xã N, H. A, Hưng Yên;
- UBND xã T1, H. M, Hà Nội;
- Lưu HS, AV.